TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN **THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2018/HS-ST
Ngày 19 - 11 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Điệu

Bà Nguyễn Thị Lương

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Phạm Hoàng Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 118/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn V, sinh năm 1986 tại Quảng Ninh; nơi cư trú: Thôn HT, xã TY, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Phạm Thị TQ và có 03 con; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 291/2006/HSST ngày 25 tháng 10 năm 2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 07 năm tù về tội Cướp tài sản theo điểm b khoản 3 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Chưa được xóa án tích); bản án số 364/2012/HSST ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Tòa án nhân dân thành phố LH, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 54 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07 tháng 12 năm 2016 (Chưa được xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 19 tháng 7 năm 2018 đến ngày 25 tháng 7 năm 2018 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Phạm Hải Q (tên gọi khác PhạmVăn Q), sinh năm 1983 tại Quảng Ninh; nơi cư trú: Thôn BT, xã QH, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động

tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N (đã chết) và bà Phan Thị L; có vợ tên Dương Thị AN, (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 51/2000/HSST ngày 10 tháng 10 năm 2000 của Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Đã được xóa án tích); bản án phúc thẩm số 1392/2003/HSPT ngày 19 tháng 7 năm 2003 của Tòa phúc thẩm Hà Nội xử phạt 02 năm tù về tội Cướp tài sản theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Đã được xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 19 tháng 7 năm 2018 đến ngày 25 tháng 7 năm 2018 chuyển tạm giam; có mặt.

3. Nguyễn Đình B, sinh năm 1987 tại Quảng Ninh; nơi cư trú: Thôn 11, xã HTT, thị xã TD, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình Tr và bà Nguyễn Thị M; có vợ tên Phạm Thị O và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (do hiện nay đang điều trị thương tích do bị đánh); vắng mặt.

- *Bị hại:* Anh Đỗ Văn T; nơi cư trú: thôn 9, xã ĐG, huyện NT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Đặng Thái T1; nơi cư trú: Tổ 1, Khu 2, phường ST, thành phố BU, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh Vũ Quang T2; vắng mặt.

Anh Trần Văn Đ; vắng mặt.

Anh Lưu Văn K; vắng mặt.

Anh Cao Văn H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 18 tháng 7 năm 2018, Nguyễn Văn V, Phạm Hải Q, Nguyễn Đình B sử dụng ma túy tại nhà Phạm Hải Q. Sau đó, V rủ Q, B sang huyện NT, thành hố Hải Phòng để trộm cắp tài sản, Q, B đồng ý. V chuẩn bị 01 vam phá khóa, 01 kìm cắt thủy lực; 01 kìm cắt sắt; thiết bị bằng nhựa màu đen (dạng súng bắn điện), 04 thanh kim loại dẹt (dụng cụ để mở ổ khóa) để trên xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Accent biển số 14A-036.12 do V thuê của anh Đặng Thái T1; nơi cư trú: Tổ 1, Khu 2, phường ST, thành phố BU, tỉnh Quảng Ninh trước đó. Sau đó, V điều khiển xe ô tô chở Q, B đến khu vực thôn 9, xã ĐG, huyện NT,

thành phố Hải Phòng. Phát hiện trong sân nhà anh Đỗ Văn T có 02 chiếc xe mô tô dựng ở sân trước cửa nhà, cổng khóa nên V điều khiển xe ô tô quay đầu lại, đỗ cách cổng nhà anh T 10m. Q, B xuống xe, mang theo 01 vam phá khóa, 01 kìm cắt thủy lực còn V ngồi trên xe ô tô để cảnh giới. Q và B thay nhau dùng kìm thủy lực cắt đứt quai khóa cổng, Q cất ổ khóa trong người và đi vào sân nhà anh Đỗ Văn T dắt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter biển số 15H1-132.60; B dắt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Jupiter biển số 16K4-2526 ra ngoài cổng. Tại đây, B dùng vam phá khóa ổ khóa điện của 02 xe mô tô trên nhưng không được, B tiếp tục phá ổ khóa cốp xe mô tô biển số 15H1-132.60 thì thấy có 01 khóa số "8" (công cụ hỗ trợ của lực lượng Công an) nên cất giấu vào trong người. Do không mở được khóa của 02 chiếc xe mô tô nên V điều khiển xe ô tô đi phía trước, B dắt xe mô tô biển số 16K4-2526, Q dắt xe mô tô biển số 15H1-132.60 đi phía sau theo hướng đường liên xã Gia Đức - Gia Minh để ra đi Quốc lộ 10. Đi được khoảng 200m thì V thay Q dắt xe, còn Q tiếp tục điều khiển xe ô tô đi phía trước. Cả nhóm đi đến khu vực Thôn 1, xã Gia Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng thì bị quần chúng nhân dân phát hiện, truy hô đuổi theo bắt giữ được V, Q, B cùng vật chứng giao cho cơ quan Công an giải quyết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện NT ngày 19 tháng 7 năm 2018, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Exciter biển số 15H1-132.60 trị giá 20.000.000 đồng, xe mô tô Jupiter biển số 16K4-2526 trị giá 10.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản 02 chiếc xe mô tô là 30.000.000 đồng.

Cáo trạng số 128/CT-VKS ngày 31 tháng 10 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng đã truy tố Nguyễn Văn V phạm tội "Trộm cắp tài sản" vi phạm điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố Phạm Hải Q, Nguyễn Đình B phạm tội "Trộm cắp tài sản" vi phạm khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn V, Phạm Hải Q, Nguyễn Đình B phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 05 năm đến 06 năm tù. Áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Hải Q từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đình B từ 15 tháng đến 18 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Về bồi thường thiệt hại: Không có yêu cầu nên không giải quyết;

xử lý vật chứng: đề nghị tịch thu tiêu hủy; bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của bị cáo: Các bị cáo đều khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Kiểm sát viên đã luận tội đối với các bị cáo và xin được giảm nhẹ hình phạt để mau chóng cải tạo và trở về với xã hội.

- Ý kiến của người bị hại: Ngày 19 tháng 7 năm 2018 bị mất 02 chiếc xe mô tô trị giá 30.000.000 đồng, hiện tại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị cáo, bị hại, người làm chứng: Bị cáo Nguyễn Đình B, bị hại, người làm chứng đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bị cáo Nguyễn Đình B có đơn xin xét xử vắng mặt do hiện nay vẫn đang phải điều trị thương tích ở chân không đi lại được. Hội đồng xét xử căn cứ các điều 290, 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo, bị hại, người làm chứng.

[3] Những chứng cứ xác định bị cáo có tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bởi: Biên bản tiếp nhận người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang; lời khai của bị hại; lời khai của người làm chứng; bản kết luận định giá tài sản; biên bản khám xét; vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra và công bố công khai tại phiên toà. Do đó có đủ căn cứ xác định các bị cáo Nguyễn Văn V, Phạm Hải Q, Nguyễn Đình B đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Đỗ Văn T tài sản có giá trị 30.000.000 đồng. Với hành vi nêu trên, bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản". Tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn V có 02 tiền án - đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là tái phạm nguy hiểm nên bị

cáo phải bị truy tố và xét xử theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung hình phạt là "Tái phạm nguy hiểm". Bị cáo Phạm Hải Q đã 02 lần bị Tòa án xét xử và tuyên áp dụng hình phạt tù nhưng đều đã được xóa án tích và bị cáo Nguyễn Đình B bị truy tố và xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Vậy, đề nghị kết tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên tại phiên toà là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn V có bố là Thương binh nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về vị trí, vai trò của từng bị cáo và việc xử lý: Để thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã có sự bàn bạc, chuẩn bị công cụ phạm, phương tiện phạm tội từ trước. Bị cáo Nguyễn Văn V là người đề xuất, chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội và đồng thời là người thực hành tích cực; các bị cáo Phạm Hải Q, Nguyễn Đình B đều là người thực hành tích cực. Vì vậy, bị cáo Nguyễn Văn V có vị trí vai trò cao hơn các bị cáo Phạm Hải Q, Nguyễn Đình B. Các bị cáo Phạm Hải Q, Nguyễn Đình B có vị trí, vai trò như nhau. Tuy nhiên, bị cáo Phạm Hải Q có nhân thân đã 02 lần bị Tòa án xét xử và áp dụng hình phạt tù, đã được xóa án tích nhưng xem xét áp dụng hình phạt cao hơn so với bị cáo Nguyễn Đình B. Mặc dù không đánh giá các bị cáo phạm tội có tổ chức hoặc có tính chất chuyên nghiệp nhưng hành vi của các bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật, trong tình hình hiện nay loại tội phạm này xẩy ra rất phổ biến, gây nhiều bức xúc trong nhân dân; các bị cáo đều là người nghiện ma túy nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn và buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định mới đủ để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy, các bị cáo đều là người nghiện ma túy, các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập ổn định nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[7] Về bồi thường thiệt hại: Không có đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Vật chứng cần xử lý gồm có: 01 kìm cắt thủy lực, 01 kìm cắt sắt, 01 viên gạch chỉ màu đỏ, 04 thanh kim loại mỏng đựng trong hộp màu đen để trong túi giả da màu đen nhãn hiệu "Louis Vuitton", 01 thiết bị bằng nhựa màu đen (dạng súng bắn điện) đều là công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu tiêu hủy; 01 ổ khóa bằng kim loại nhãn hiệu Việt – Tiệp, bị cắt một phần tai khóa; 01 chiếc chìa khóa của ổ khóa trên; 02 ổ khóa nhãn hiệu Việt – Tiệp màu vàng đã nứt vỡ phần thân không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. 02 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia thu của bị cáo V và Q nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[9] Trong vụ án này, quá trình quần chúng nhân dân bắt giữ Nguyễn Văn V, Phạm Hải Q, Nguyễn Đình B bị cáo Nguyễn Đình B bị thương tích ở chân trái, bị cáo Nguyễn Đình B từ chối giám định thương tích; chiếc xe ô tô biển số 14A-036.12 bị hư hỏng, thiệt hại trị giá 7.700.000 đồng. Qua điều tra chưa xác định được người gây thương tích cho Nguyễn Đình B và người có hành vi làm hư hỏng chiếc xe ô tô trên, Cơ quan điều tra tách ra làm rõ xử lý sau.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm g Khoản 2 Điều 173; Điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V (05) năm năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 19 tháng 7 năm 2018.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Xử phạt bị cáo Phạm Hải Q (24) hai mươi bốn tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 19 tháng 7 năm 2018.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình B (18) mười tám tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 kìm cắt thủy lực đã qua sử dụng, 01 kìm cắt sắt, 01 viên gạch chỉ màu đỏ, 04 thanh kim loại mỏng đã qua sử dụng; 01 hộp màu đen trong túi giả da nhãn hiệu "Louis Vuitton" đã qua sử dụng; 01 thiết bị bằng nhựa màu đen (dạng súng bắn điện) đã qua sử dụng; 01 ổ khóa bằng kim loại nhãn hiệu Việt Tiệp, bị cắt một phần tai khóa (đi kèm 01 chìa khóa) đã qua sử dụng; 02 ổ khóa nhãn hiệu Việt Tiệp màu vàng đã nứt vỡ. Tịch thu sung quỹ Nhà nước 02 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng.

Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn V, Phạm Hải Q, Nguyễn Đình B, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo bản án: Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- VKSND TP Hải Phòng;
- CQ ĐT Công an huyện Thủy Nguyên;
- CQTHS hình sự;
- Trại tạm giam CA TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo, Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Anh Sơn